

VEPR

Trực thuộc
 **ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ



Hướng tới phát triển ASEAN bền vững:

**Cải thiện môi trường kinh doanh là
chìa khóa để thu hút FDI, không phải
cạnh tranh ưu đãi thuế và đất đai**

Hà Nội, 11/11/2020

- **Bất bình đẳng kinh tế, chi tiêu cho xã hội và áp lực tài khóa tại ASEAN**
 - + Bất bình đẳng kinh tế
 - + Chi tiêu cho xã hội
 - + Áp lực tài khóa
- **Cạnh tranh xuống đáy trong ưu đãi thuế và phi thuế tại ASEAN**
 - + Cạnh tranh thuế tại ASEAN
 - + Thuế TNDN tiêu chuẩn
 - + Ưu đãi thuế TNDN
 - + Thuế suất thực nộp
 - + Chi phí ưu đãi thuế TNDN
 - + Ưu đãi phi thuế
- **Môi trường kinh doanh và dòng vốn FDI tại các nước ASEAN**
 - + Dòng vốn FDI tại các nước ASEAN
 - + Tương quan giữa môi trường kinh doanh và dòng vốn FDI
- **Khuyến nghị chính sách**

- **Bất bình đẳng kinh tế, chi tiêu cho xã hội và áp lực tài khóa tại ASEAN**
 - + Bất bình đẳng kinh tế
 - + Chi tiêu cho xã hội
 - + Áp lực tài khóa
- **Cạnh tranh xuống đáy trong ưu đãi thuế và phi thuế tại ASEAN**
 - + Cạnh tranh thuế tại ASEAN
 - + Thuế TNDN tiêu chuẩn
 - + Ưu đãi thuế TNDN
 - + Thuế suất thực nộp
 - + Chi phí ưu đãi thuế TNDN
 - + Ưu đãi phi thuế
- **Môi trường kinh doanh và dòng vốn FDI tại các nước ASEAN**
 - + Dòng vốn FDI tại các nước ASEAN
 - + Tương quan giữa môi trường kinh doanh và dòng vốn FDI
- **Khuyến nghị chính sách**

Bất bình đẳng kinh tế, chỉ tiêu cho xã hội và áp lực tài khóa tại ASEAN

■ Bất bình đẳng kinh tế

- Các nước ASEAN có mức độ bất bình đẳng kinh tế cao - Philippines, Malaysia và Singapore có chỉ số Gini lần lượt là 0,45, 0,42 và 0,40 trong giai đoạn 2010-2017, trong khi chỉ số của Indonesia là 0,39, Thái Lan là 0,38, Campuchia là 0,37, Lào và Việt Nam là 0,36.
- Bất bình đẳng giàu nghèo thậm chí còn đang ở mức đáng báo động, với chỉ số Gini là 0,85 ở Thái Lan và Lào, 0,84 ở Philippines và Indonesia, 0,82 ở Malaysia, 0,74 ở Việt Nam và 0,70 ở Campuchia.

Chỉ số Gini tại các quốc gia ASEAN, 2000- 2017

| Quốc gia | Chỉ số Gini về thu nhập | | Tỉ trọng thu nhập của 40% dân số nghèo nhất | | Tỉ trọng thu nhập của 10% dân số giàu nhất | | Chỉ số Gini về tài sản |
|-------------|-------------------------|-----------|---|-----------|--|-----------|------------------------|
| | 2000-2009 | 2010-2017 | 2000-2009 | 2010-2017 | 2000-2009 | 2010-2017 | 2016* |
| Philippines | 46.9 | 45.5 | 13.8 | 14.5 | 36.8 | 35.6 | 83.9 |
| Malaysia | 45.9 | 42.1 | 13.6 | 15.4 | 34.5 | 32.1 | 82.0 |
| Singapore | n. a | 39.8 | n. a | n. a | n. a | n. a | 73.3 |
| Indonesia | 33.5 | 38.9 | 21.0 | 17.7 | 27.1 | 31.2 | 83.7 |
| Myanmar | n. a | 38.1 | n. a | 18.6 | n. a | 31.7 | n. a |
| Thái Lan | 41.3 | 37.6 | 16.3 | 18.0 | 32.2 | 29.3 | 85.1 |
| Campuchia | n. a | 36.6 | n. a | n. a | n. a | n. a | 70.0 |
| Lào | 34.0 | 36.4 | 20.4 | 19.1 | 28.2 | 29.8 | 84.9 |
| Việt Nam | 36.3 | 36.3 | 18.7 | 18.5 | 28.6 | 28.1 | 74.5 |

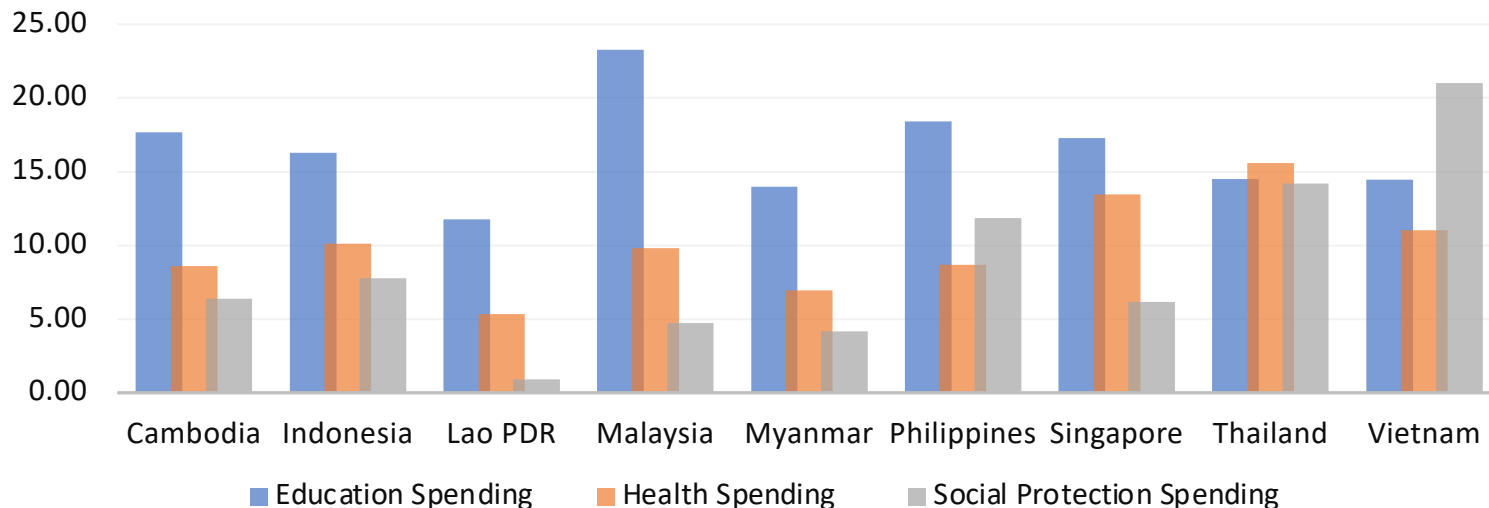
Ghi chú: *Chỉ số Gini về thu nhập của Campuchia, Singapore, Chỉ số Gini về tài sản của các quốc gia ASEAN được thu thập từ WEF (2018). Các chỉ số còn lại từ WB (2020). Chỉ số Gini càng cao càng thể hiện sự bất bình đẳng. Không có dữ liệu của Brunei.

Bất bình đẳng kinh tế, chi tiêu cho xã hội và áp lực tài khóa tại ASEAN

■ Chi tiêu cho xã hội

- Hầu hết các quốc gia trong khu vực đều thất bại trong nỗ lực đầu tư đúng mức cho các dịch vụ công thiết yếu như y tế, giáo dục, và bảo trợ xã hội - những biện pháp hiệu quả nhất để chống lại tình trạng đói nghèo và bất bình đẳng.

Mức chi tiêu xã hội tại khu vực ASEAN tính theo phần trăm chi NSNN, 2020



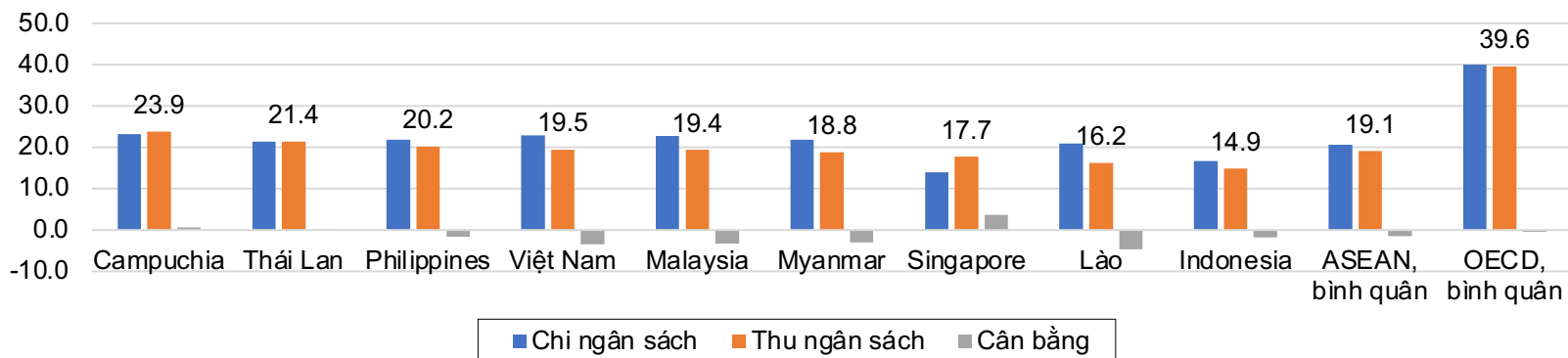
Nguồn: Fighting Inequality in the time of Covid-19: The Commitment to Reducing Inequality Index 2020

Bất bình đẳng kinh tế, chi tiêu cho xã hội và áp lực tài khóa tại ASEAN

■ Áp lực tài khóa

- Hầu hết các nước thành viên ASEAN đều đã gặp tình trạng thâm hụt ngân sách trong một thời gian dài. Chỉ tính riêng năm 2018, sáu quốc gia thành viên ASEAN có mức thâm hụt ngân sách lớn và một số quốc gia ghi nhận mức nợ công cao. Mức thâm hụt ngân sách trung bình của toàn khu vực ASEAN là 1,5% GDP năm 2018.
- Tình trạng thâm hụt ngân sách kéo dài và nợ công cao sẽ tiếp tục gia tăng đáng kể khi các nước tăng chi ngân sách để giải quyết cuộc khủng hoảng kinh tế và y tế do đại dịch COVID-19 gây ra. Chín nước ASEAN dự kiến sẽ phải đối mặt với thâm hụt ngân sách ở mức tỷ lệ trung bình là 4,2% GDP trong năm 2020.

Một số chỉ tiêu ngân sách tại các quốc gia ASEAN, 2018



- Bất bình đẳng kinh tế, chi tiêu cho xã hội và áp lực tài khóa tại ASEAN
 - + Bất bình đẳng kinh tế
 - + Chi tiêu cho xã hội
 - + Áp lực tài khóa
- Cạnh tranh xuống đáy trong ưu đãi thuế và phi thuế tại ASEAN
 - + Cạnh tranh thuế tại ASEAN
 - + Thuế TNDN tiêu chuẩn
 - + Ưu đãi thuế TNDN
 - + Thuế suất thực nộp
 - + Chi phí ưu đãi thuế TNDN
 - + Ưu đãi phi thuế
- Môi trường kinh doanh và dòng vốn FDI tại các nước ASEAN
 - + Dòng vốn FDI tại các nước ASEAN
 - + Tương quan giữa môi trường kinh doanh và dòng vốn FDI
- Khuyến nghị chính sách

Cạnh tranh xuống đáy trong ưu đãi thuế và phi thuế tại ASEAN

■ Cạnh tranh thuế tại ASEAN

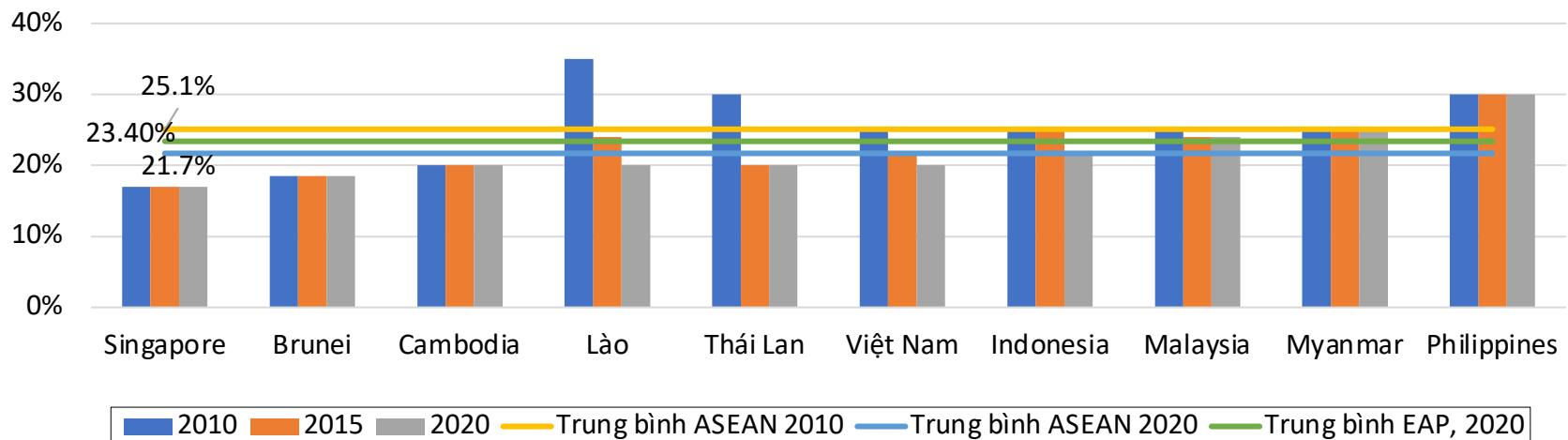
- Budiantoro (2015) chỉ ra sự cạnh tranh về thuế giữa Philippines, Việt Nam, Thái Lan và Indonesia, các quốc gia này đang cạnh tranh nhau để đầu tư cho lĩnh vực sản xuất và sử dụng ưu đãi thuế làm công cụ thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.
- Năm 1996, trong cuộc cạnh tranh để thu hút đầu tư từ General Motors, Philippines đã đề nghị miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 8 năm và Thái Lan đưa ra khoản miễn trừ tương tự với số tiền bổ sung tương đương 15 triệu USD.
- Năm 2001, để kêu gọi đầu tư từ Canon, Việt Nam đã miễn thuế cho tập đoàn này trong 10 năm, nhưng Philippines cạnh tranh với Việt Nam bằng cách miễn thuế trong khoảng thời gian từ 8 đến 12 năm.
- Vào năm 2014, để lôi kéo khoản đầu tư của Samsung, Indonesia cung cấp ưu đãi thuế trong 10 năm, trong khi Việt Nam đề nghị một khoản ưu đãi trong 15 năm.

Cạnh tranh xuống đáy trong ưu đãi thuế và phi thuế tại ASEAN

■ Thuế TNDN tiêu chuẩn

- Trong ASEAN, mỗi quốc gia đặt ra mức thuế TNDN tiêu chuẩn khác nhau. Cao nhất là Philippines với mức thuế suất 30%, thấp nhất là Singapore với 17%.
- Mức trung bình của thuế suất thuế TNDN ở các nước ASEAN có xu hướng giảm trong thập kỷ qua, từ 25,1% (2010) xuống còn 21,7% (2020). Tỷ lệ này vào năm 2020 thấp hơn 1,7 điểm phần trăm so với mức trung bình tại các quốc gia trong khu vực Đông Á và Thái Bình Dương (EAP).

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp tiêu chuẩn tại các quốc gia ASEAN, 2020

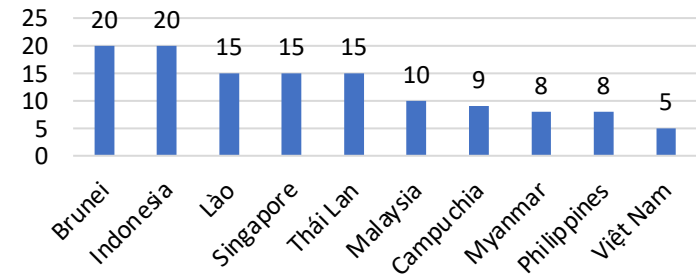


Cạnh tranh xuống đáy trong ưu đãi thuế và phi thuế tại ASEAN

■ Ưu đãi thuế TNDN

- Việc lạm dụng ưu đãi như nghỉ thuế, giảm thuế có thể khiến các nước đang phát triển rơi vào một cuộc đua xuống đáy khi mà các quốc gia láng giềng cố gắng vượt qua nhau trong cuộc cạnh tranh để thu hút các nhà đầu tư từ các nước công nghiệp.
- Quá trình dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc sang khu vực ASEAN có thể khiến cạnh tranh giữa các nước ASEAN trở nên tồi tệ hơn. Lợi ích từ việc thu hút FDI trở nên quan trọng hơn để các quốc gia thành viên thúc đẩy phát triển kinh tế trong khi quan điểm chung của toàn khu vực ASEAN bị lờ đi.
- Trong dài hạn, quản trị tốt đóng vai trò quyết định trong việc thu hút vốn FDI bền vững để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (Globerman & Shapiro, 2002). Trong khi đó, ưu đãi thuế khiến các doanh nghiệp tập trung vào việc giảm gánh nặng thuế hơn là mở rộng sản xuất (Shukla et al., 2011).

Thời gian nghỉ thuế tối đa tại các quốc gia ASEAN, 2020



Thuế TNDN tiêu chuẩn và sau khi áp dụng ưu đãi giảm thuế mức cao nhất tại các quốc gia ASEAN, 2020

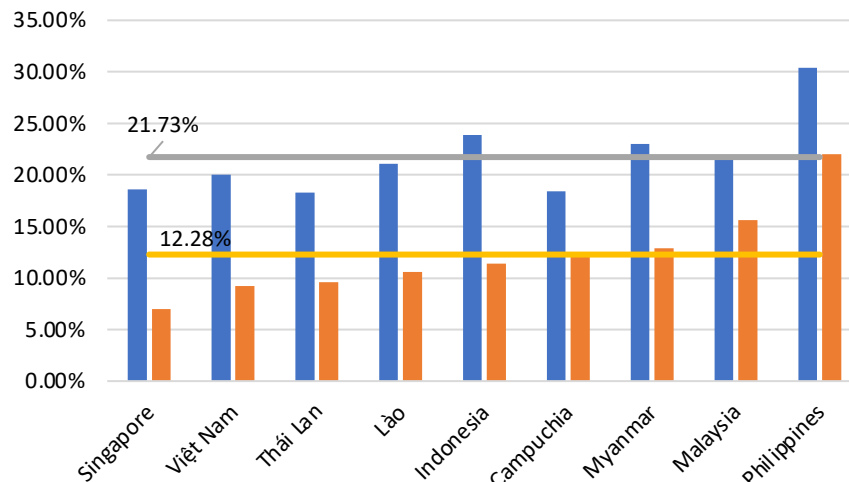
| Quốc gia | Thuế TNDN tiêu chuẩn | Thuế suất sau khi đã áp dụng ưu đãi giảm thuế cao nhất |
|-------------|----------------------|--|
| Brunei | 18.50% | n.a |
| Campuchia | 20% | 0% |
| Indonesia | 22% | 0% |
| Lào | 20% | 5% |
| Malaysia | 24% | 0% |
| Myanmar | 25% | 12.50% |
| Philippines | 30% | 5% |
| Singapore | 17% | 5% |
| Thái Lan | 20% | 0% |
| Việt Nam | 20% | 10% |

Cạnh tranh xuống đáy trong ưu đãi thuế và phi thuế tại ASEAN

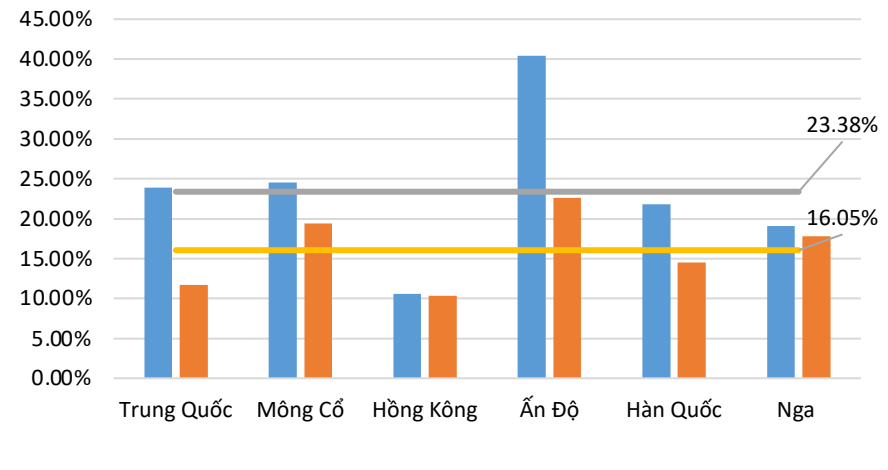
■ Thuế suất thực nộp

- Với thực tế có quốc gia cho phép doanh nghiệp nghỉ thuế lên đến 20 năm và một loạt các ưu đãi khổng lồ về thuế khác, mức thuế suất doanh nghiệp hiệu quả bình quân tại khu vực ASEAN đã giảm trung bình 9,4 điểm phần trăm (2015).

Thuế suất thực nộp (AETR) khi có và không có ưu đãi thuế (%)



Các quốc gia ASEAN



Một số quốc gia khu vực Châu Á Thái Bình Dương

Cạnh tranh xuống đáy trong ưu đãi thuế và phi thuế tại ASEAN

■ Chi phí ưu đãi thuế TNDN

| Quốc gia | Nhóm chi phí | Loại dữ liệu | Nội dung |
|-------------|------------------------|-----------------------|---|
| Brunei | Thiếu hiệu quả kinh tế | Nghiên cứu trường hợp | Quyền tài phán bí mật đối với hệ sinh thái kinh doanh tại Trung tâm tài chính quốc tế Brunei. |
| Campuchia | Chi tiêu thuế TNDN | Giá trị | 6% GDP |
| Indonesia | Dịch chuyển lợi nhuận | Nghiên cứu trường hợp | - Tổng thất thuế tiềm năng ở Indonesia từ Adaro Indonesia (AI): 14 triệu USD mỗi năm trong giai đoạn 2009 đến 2017. - 27 tranh chấp thuế giữa Indonesia-Hà Lan: khoản lỗ thuế lên tới 26,5 triệu USD. |
| Lào | Cơ chế không minh bạch | Nghiên cứu trường hợp | Các khoản đầu tư được thỏa thuận theo từng trường hợp và không có thông tin chi tiết nào về các thỏa thuận được công khai. |
| Malaysia | Chi tiêu thuế TNDN | Nghiên cứu trường hợp | - 62,4% trong số 1.251.190 công ty đăng ký với cơ quan thuế, chỉ có 7,8% bị đánh thuế. - Thuế suất hiệu quả thấp hoặc không có đối với thu nhập từ hoạt động tài chính và dịch vụ khác với sự linh hoạt về địa lý. |
| Myanmar | Ưu đãi dư thừa | Nghiên cứu trường hợp | Các ưu đãi trong hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên (dầu khí, khoáng sản và lâm nghiệp) tại nơi có lợi thế so sánh trong lĩnh vực này (Oxfam, 2017). |
| Philippines | Chi tiêu thuế TNDN | Giá trị | 1% GDP |
| | Chi tiêu thuế TNDN | Nghiên cứu trường hợp | Ưu đãi thuế 22,17 tỷ USD cho một nhóm đối tượng bao gồm 3.150 công ty từ năm 2015 đến 2017 |
| Singapore | Dịch chuyển lợi nhuận | Nghiên cứu trường hợp | SPV được các MNCs sử dụng để trốn thuế và tránh thuế thông qua các hiệp ước thuế. |
| Thái Lan | Ưu đãi dư thừa | Nghiên cứu trường hợp | - Tối thiểu 70 các khoản đầu tư tại Thái Lan vẫn sẽ được thực hiện ngay cả khi không có ưu đãi. |
| Việt Nam | Chi tiêu thuế TNDN | Giá trị | - 7% tổng thu ngân sách năm 2016 (VATJ, 2019) - 1% GDP (OECD, 2019a) |
| | Ưu đãi dư thừa | Nghiên cứu trường hợp | 85% nhà đầu tư cho rằng các ưu đãi là không cần thiết (James, 2014) |
| | Thiếu hiệu quả kinh tế | Nghiên cứu trường hợp | Môi trường đầu tư không công bằng giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước. |

Ghi chú: Thông tin chi tiết xem trong báo cáo tổng hợp.

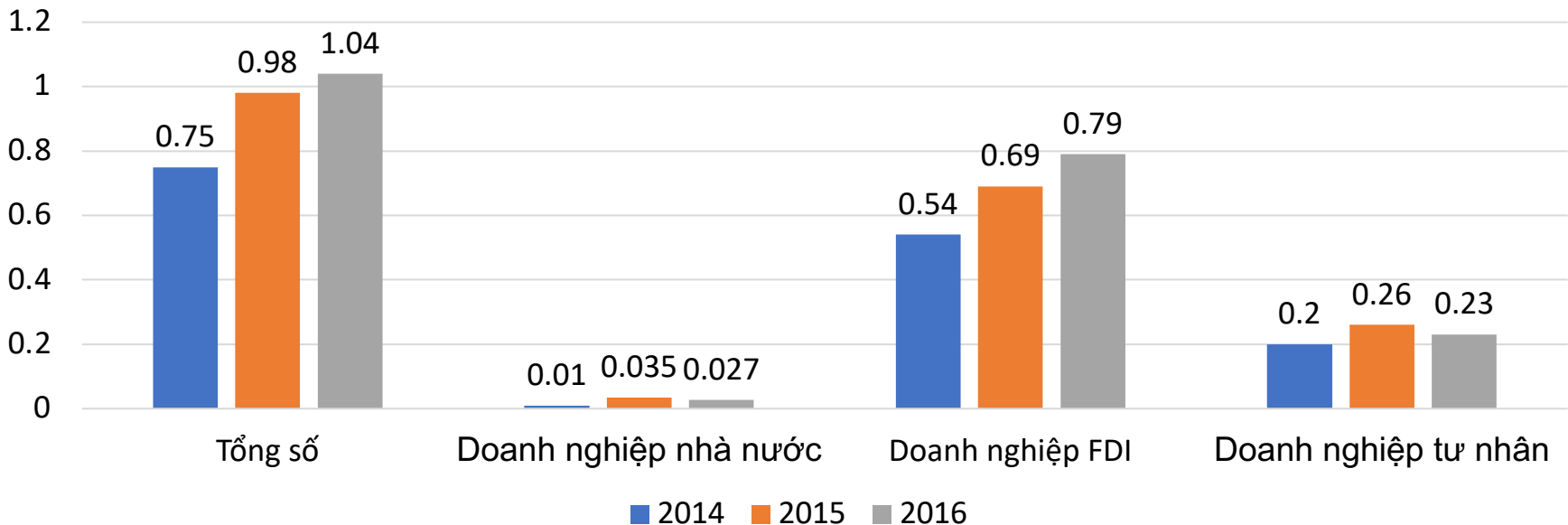
Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp



Cạnh tranh xuống đáy trong ưu đãi thuế và phi thuế tại ASEAN

Chi phí ưu đãi thuế TNDN

Ưu đãi thuế TNDN trên GDP ở Việt Nam, giai đoạn 2014-2016 (%)



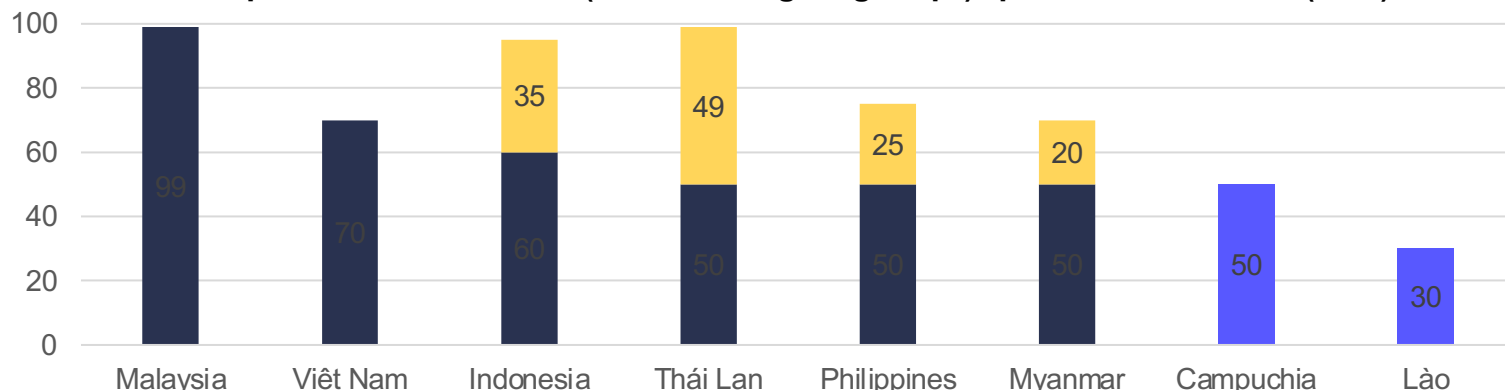
Nguồn: TCTK (2018)

Cạnh tranh xuống đáy trong ưu đãi thuế và phi thuế tại ASEAN

■ Ưu đãi phi thuế: Ưu đãi về đất đai

- Giữa các nước ASEAN tồn tại sự cạnh tranh về ưu đãi đất đai dưới nhiều hình thức. Malaysia dẫn đầu khu vực về thời hạn cho thuê ban đầu, với hợp đồng cho thuê 99 năm không gia hạn. Thái Lan và Indonesia cũng cung cấp thời hạn cho thuê dài, lần lượt là 99 năm và 95 năm, bao gồm cả thời gian gia hạn. Campuchia và Lào đưa ra thời hạn thuê đất ban đầu ngắn nhất, tuy nhiên các nhà đầu tư nước ngoài ở các nước này có thể đăng ký gia hạn vời thời hạn được xét duyệt theo từng trường hợp.
- Miễn và giảm tiền thuê nhà cũng được áp dụng ở các khu vực cụ thể tại một số nước ASEAN và thay đổi tùy theo tình trạng kinh tế xã hội của các khu vực đó.
- Do những khó khăn trong việc định lượng các ưu đãi về đất đai, không có bằng chứng rõ ràng nào khẳng định rằng các ưu đãi về đất đai có tác động đáng kể đến dòng vốn FDI.

Thời hạn cho thuê đất tối đa (tính cả thời gian gia hạn) tại các nước ASEAN (năm)



- Bất bình đẳng kinh tế, chi tiêu cho xã hội và áp lực tài khóa tại ASEAN
 - + Bất bình đẳng kinh tế
 - + Chi tiêu cho xã hội
 - + Áp lực tài khóa
- Cạnh tranh xuống đáy trong ưu đãi thuế và phi thuế tại ASEAN
 - + Cạnh tranh thuế tại ASEAN
 - + Thuế TNDN tiêu chuẩn
 - + Ưu đãi thuế TNDN
 - + Thuế suất thực nộp
 - + Chi phí ưu đãi thuế TNDN
 - + Ưu đãi phi thuế
- Môi trường kinh doanh và dòng vốn FDI tại các nước ASEAN
 - + Dòng vốn FDI tại các nước ASEAN
 - + Tương quan giữa môi trường kinh doanh và dòng vốn FDI
- Khuyến nghị chính sách

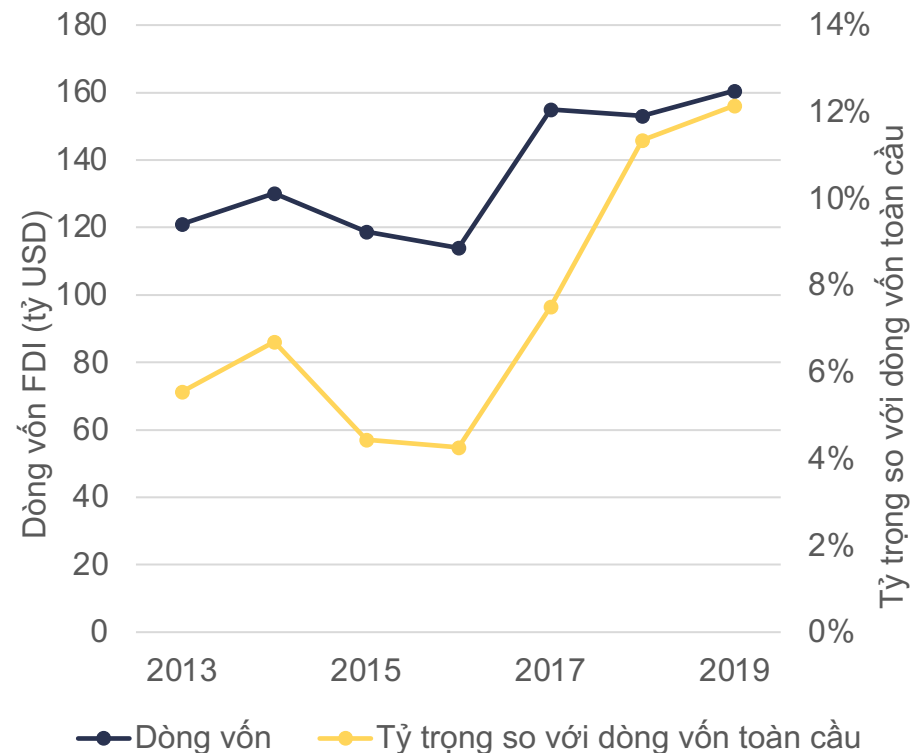
Dòng vốn FDI tại các nước ASEAN

■ ASEAN đã chứng kiến dòng vốn FDI tăng mạnh 36,04% trong năm 2017 sau khi giảm nhẹ trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2016. Tuy giảm một khoảng không đáng kể trong năm 2018, dòng vốn FDI đã tăng trở lại vào năm 2019, đạt mức 160 tỷ USD.

■ Tính theo giá trị tương đối, tỷ lệ dòng vốn FDI của ASEAN so với toàn cầu đã liên tục tăng kể từ năm 2016, mặc dù có sự chậm lại từ năm 2018 đến năm 2019. Năm 2019, khu vực này chiếm hơn 12% dòng vốn FDI toàn cầu.

■ Tuy nhiên, UNCTAD (2020) dự báo rằng đại dịch COVID-19 sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến quyết định đầu tư nước ngoài vào các nước ASEAN.

Dòng vốn FDI vào ASEAN, 2013-9

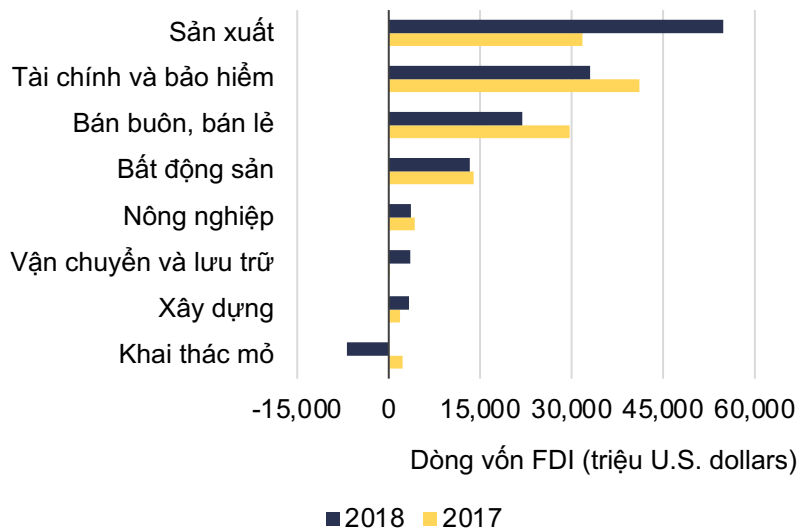


Nguồn: ASEANStatsDataPortal (2020) và World Bank (2020)

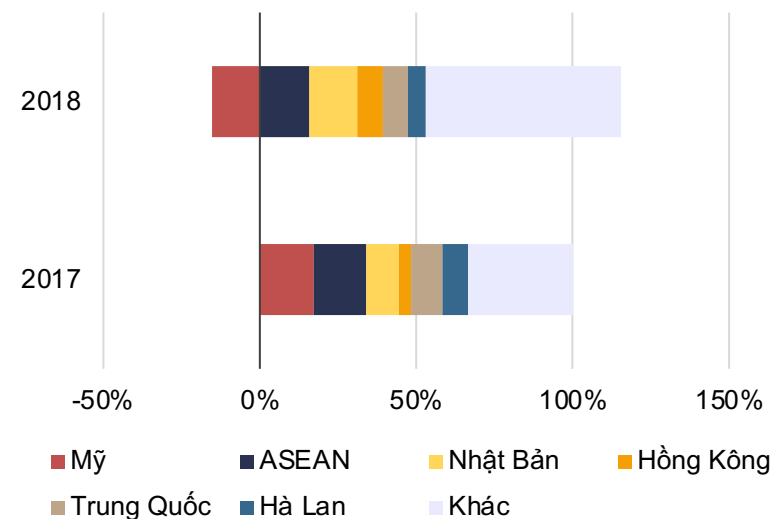
Dòng vốn FDI tại các nước ASEAN

- Xu hướng tăng lên của FDI trong lĩnh vực sản xuất là một trong những động lực chính thúc đẩy dòng vốn FDI vào khu vực. Dòng vốn FDI vào lĩnh vực sản xuất đã tăng từ 31,73 tỷ USD năm 2017 lên 54,82 tỷ USD năm 2018, chiếm 35,81% dòng chảy vào ASEAN trong năm 2018.
- Nguồn cung cấp FDI quan trọng nhất của ASEAN là các khoản đầu tư nội khối, chiếm 16,71% dòng chảy của ASEAN vào năm 2017 và 15,90% vào năm 2018.

Các lĩnh vực nhận FDI, 2017-18



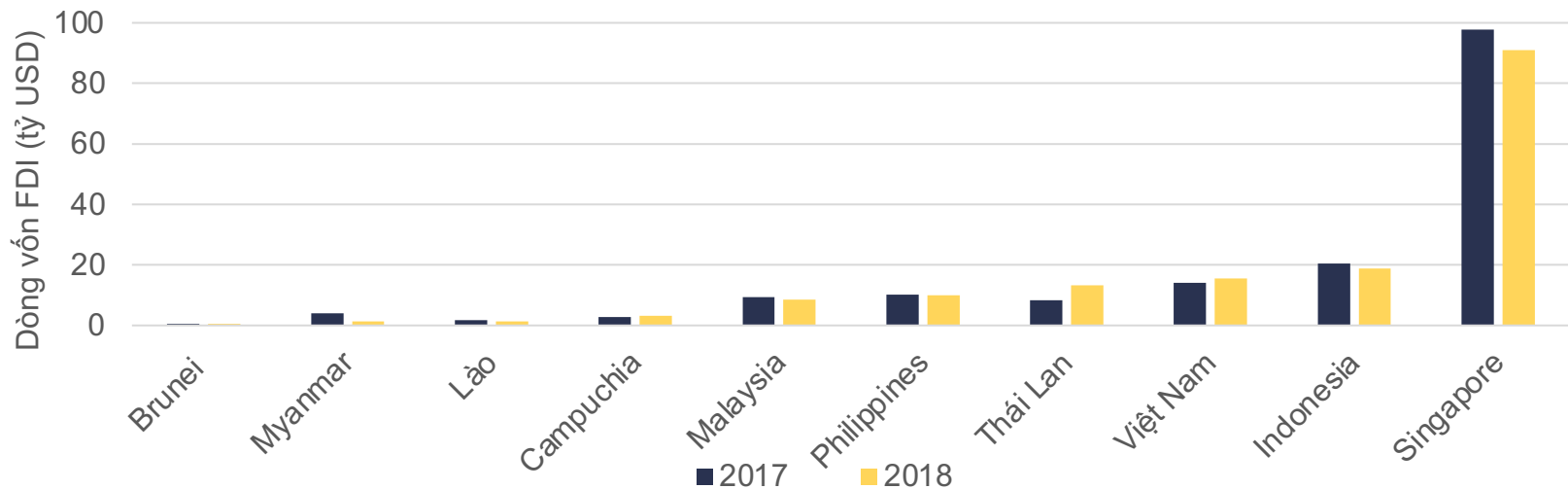
Các nước đầu tư, 2017-2018



Dòng vốn FDI tại các nước ASEAN

- Từ năm 2017 đến 2018, sáu trong số mười quốc gia trong khối ASEAN đã có sự sụt giảm về dòng vốn FDI, trái ngược với bốn quốc gia còn lại. Dòng vốn FDI tăng 60% đã giúp Thái Lan vượt qua Malaysia và Philippines.
- Singapore nhận 50% tổng vốn FDI. Tuy nhiên, Singapore được coi là nhà đầu tư trung gian trong việc thu hút vốn FDI ảo và tái đầu tư vào các nước khác để các công ty đa quốc gia có thể hưởng thuế suất thuế TNDN thấp (Damgaard và cộng sự, 2019; Garcia-Bernardo và cộng sự, 2017).

Dòng vốn FDI vào ASEAN theo từng nước, 2017-8



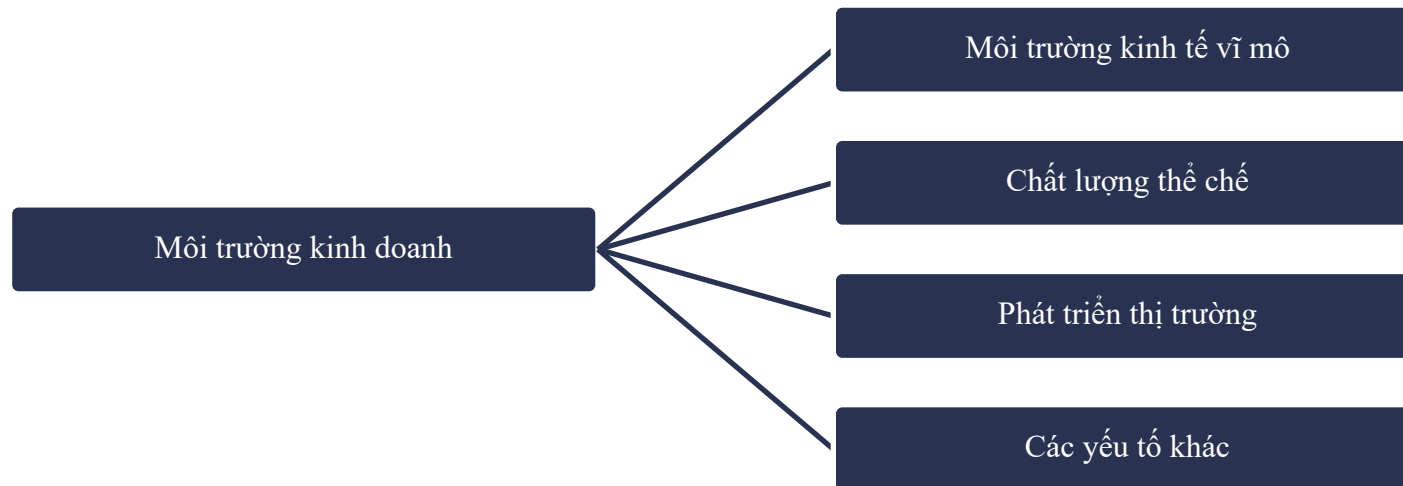
Tổng kết dòng vốn FDI vào các quốc gia ASEAN, theo ngành và quốc gia đầu tư, 2017-2018

| Quốc gia | 3 ngành nhận nhiều đầu tư nhất | | | 3 quốc gia đầu tư nhiều nhất | | |
|-------------|-------------------------------------|--------------|---------|------------------------------|--------------|---------|
| | Ngành | Dòng vốn FDI | | Quốc gia đầu tư | Dòng vốn FDI | |
| | | 2017 | 2018 | | 2017 | 2018 |
| Brunei | Sản xuất | 493 | 700 | Hồng Kông | 465 | 655 |
| | Tài chính và Bảo hiểm | -102 | 75 | Nhật Bản | 755 | 99 |
| | Khai thác mỏ | -478 | 75 | ASEAN | 547 | 71 |
| Campuchia | Tài chính và Bảo hiểm | 948 | 1,057 | Trung Quốc | 628 | 807 |
| | Sản xuất | 319 | 421 | ASEAN | 601 | 776 |
| | Bất động sản | 369 | 364 | Hồng Kông | 355 | 341 |
| Indonesia | Sản xuất | 9,615 | 11,338 | ASEAN | 10,190 | 11,157 |
| | Bán buôn, Bán lẻ | 4,555 | 5,262 | Nhật Bản | 3,913 | 5,679 |
| | Nông nghiệp, Sản bản, và Lâm nghiệp | 3,614 | 3,116 | Trung Quốc | 1,994 | 3,398 |
| Lào | Xây dựng | 413 | 710 | Trung Quốc | 1,305 | 1,043 |
| | Điện, khí đốt, hơi nước, ... | 678 | 200 | ASEAN | 170 | 198 |
| | Các lĩnh vực sơ khai | 391 | 197 | Nhật Bản | 68 | 53 |
| Malaysia | Dịch vụ | 4,860 | 4,064 | Mỹ | - | 1,616 |
| | Sản xuất | 1,465 | 3,841 | Hồng Kông | 1,604 | 1,583 |
| | Xây dựng | 465 | 173 | Nhật Bản | - | 1,204 |
| Myanmar | Vận chuyển và lưu trữ | 18 | 1,032 | ASEAN | 2,601 | 2,097 |
| | Sản xuất | 666 | 847 | Trung Quốc | 560 | 462 |
| | Các lĩnh vực sơ khai | 731 | 651 | Hồng Kông | 160 | 355 |
| Philippines | Sản xuất | 1,182 | 1,095 | ASEAN | 726 | 1,070 |
| | Tài chính và Bảo hiểm | 141 | 454 | Hồng Kông | 108 | 272 |
| | Bất động sản | 248 | 294 | Trung Quốc | 29 | 199 |
| Singapore* | Tài chính và Bảo hiểm | 861,257 | 927,890 | Mỹ | 243,688 | 214,280 |
| | Bán buôn, Bán lẻ | 279,367 | 272,010 | Quần đảo Cayman | 105,150 | 158,710 |
| | Sản xuất | 181,736 | 221,650 | Quần đảo British Virgin | 90,555 | 95,511 |
| Thái Lan | Sản xuất | 1,132 | 4,828 | Nhật Bản | 3,132 | 5,251 |
| | Tài chính và Bảo hiểm | 3,375 | 4,182 | Hồng Kông | 971 | 2,189 |
| | Bất động sản | 1,799 | 2,257 | ASEAN | 1,814 | 1,671 |
| Việt Nam | Sản xuất | 6,238 | 7,250 | Nhật Bản | 3,384 | 3,875 |
| | Bất động sản | 1,200 | 2,891 | Hàn Quốc | 2,820 | 3,720 |
| | Bán buôn, Bán lẻ | 961 | 1,605 | ASEAN | 2,538 | 2,790 |

Tương quan giữa môi trường kinh doanh và dòng vốn FDI tại ASEAN

- Môi trường kinh doanh là yếu tố quyết định chính đến việc lựa chọn địa điểm FDI ở các nước đang phát triển. Môi trường kinh doanh ở các nước ASEAN có sự khác biệt rõ rệt về các yếu tố như tự do kinh tế, gánh nặng hành chính trong kinh doanh, chất lượng quản trị, cơ sở hạ tầng và chất lượng lao động.

Môi trường kinh doanh và các thành phần

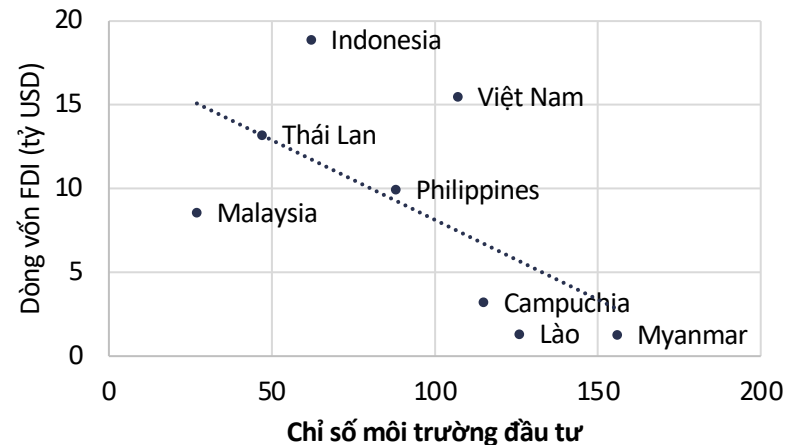
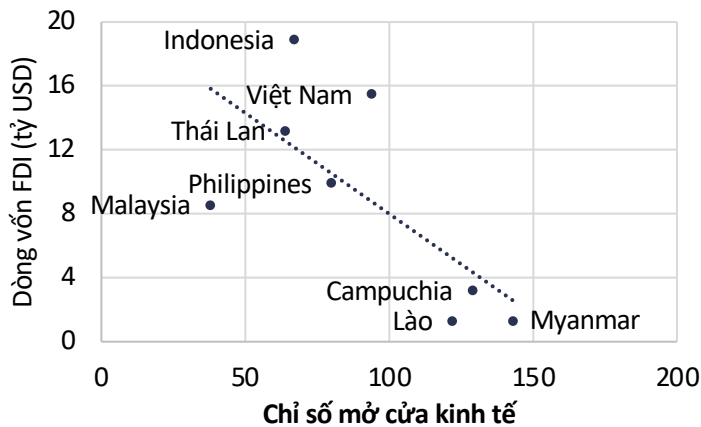
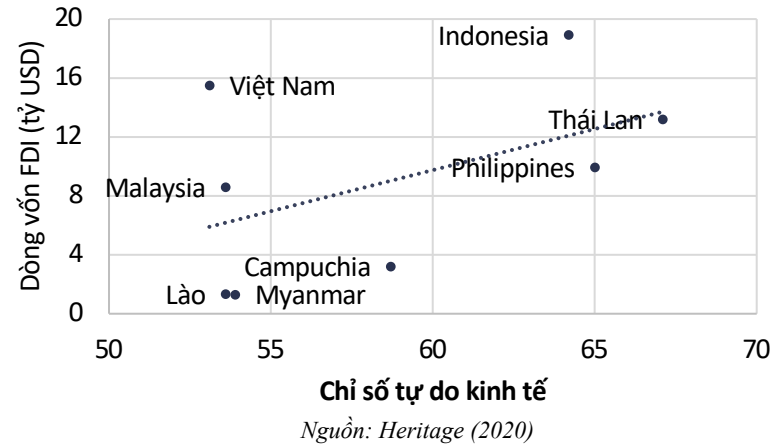
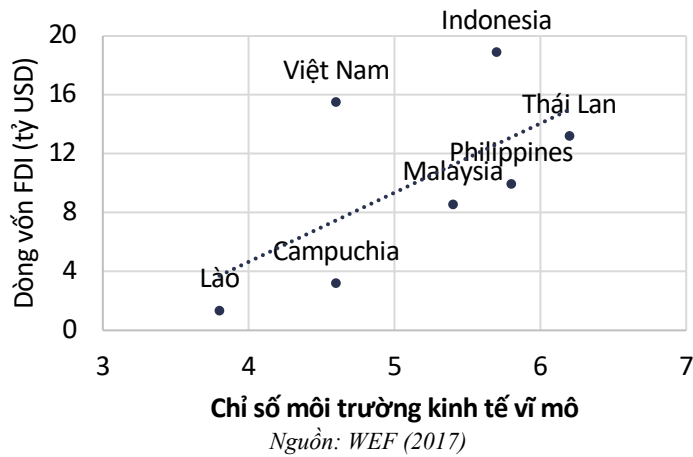


Tương quan giữa môi trường kinh doanh và dòng vốn FDI tại ASEAN

- Bằng chứng thực nghiệm từ các nghiên cứu trước đây cho thấy mức độ thu hút FDI nhạy cảm với một số chỉ số môi trường kinh doanh.
 - Sự tự do kinh tế được xác định là yếu tố quyết định quan trọng nhất của FDI (Ghazalian and Amponsem, 2019).
 - Hoang và Bui (2015) chỉ ra rằng quy mô thị trường trong nước, được thể hiện bằng GDP, là một trong những yếu tố chính khuyến khích dòng vốn FDI vào ASEAN.
 - Gopalan, Rajan, và Duong (2019) nhấn mạnh tầm quan trọng của phát triển cơ sở hạ tầng trong việc kéo dòng vốn Greenfield FDI vào Trung Quốc và khối ASEAN.
 - Goodspeed, Martinez-Vazquez, và Zhang (2011) chỉ ra mối quan hệ tích cực giữa xếp hạng chất lượng cơ sở hạ tầng và dòng vốn FDI, cho thấy mức độ nhạy cảm của FDI đối với chất lượng cơ sở hạ tầng của nước sở tại ở cả nước phát triển và đang phát triển.
 - Bénassy-Quéré, Coupet, và Mayer (2007) bổ sung rằng thông tin, lĩnh vực ngân hàng, sự dễ dàng tham gia thị trường, và thể chế pháp lý là những yếu tố ảnh hưởng tích cực và đáng kể đến lượng vốn FDI nhận được.
 - Wei (2000) lập luận rằng tham nhũng là một yếu tố ngăn cản đầu tư nước ngoài.
 - Kaufman và cộng sự. (1999) phát hiện ra rằng bất ổn chính trị và bạo lực, hiệu quả chính phủ, gánh nặng pháp lý, pháp quyền và hối lộ có ảnh hưởng đáng kể đến dòng vốn FDI.

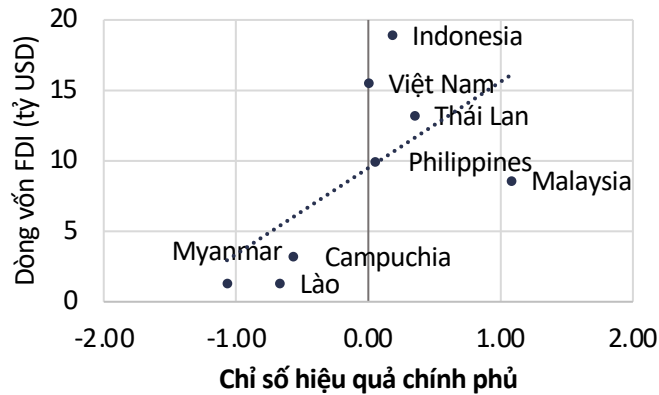
Tương quan giữa môi trường kinh doanh và dòng vốn FDI tại ASEAN

■ Môi trường kinh tế vĩ mô và dòng vốn FDI tại các quốc gia ASEAN, 2018

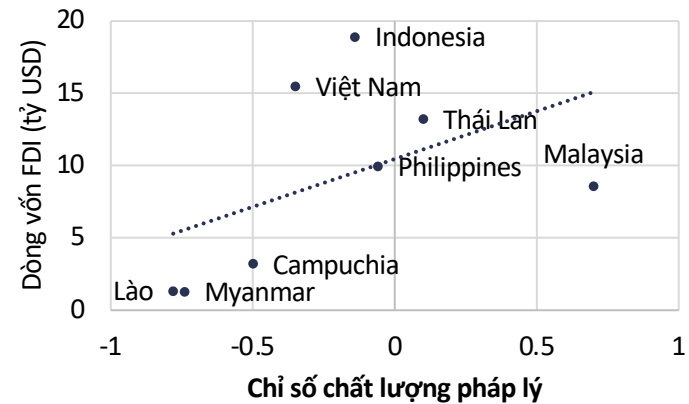


Tương quan giữa môi trường kinh doanh và dòng vốn FDI tại ASEAN

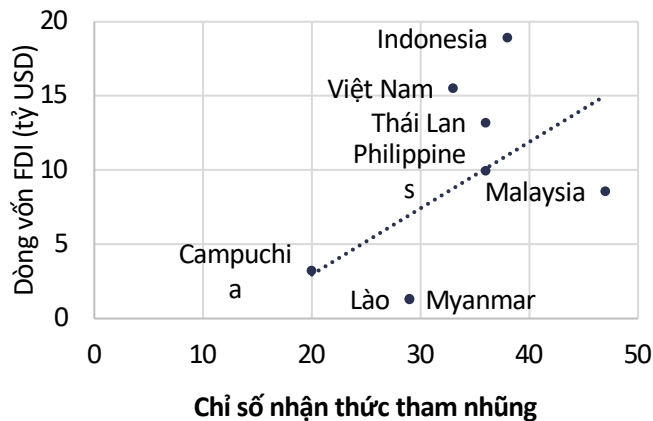
■ Chất lượng thể chế và dòng vốn FDI tại các quốc gia ASEAN, 2018



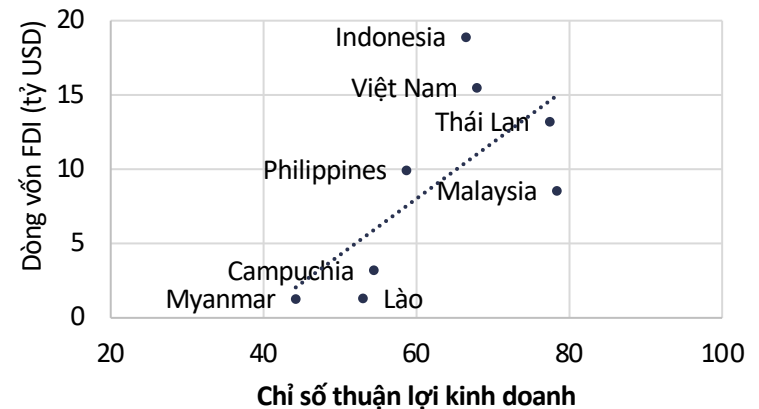
Nguồn: World Bank (2020)



Nguồn: World Bank (2020)



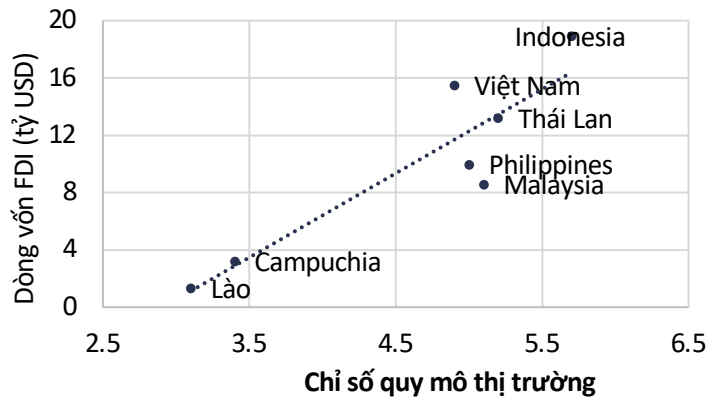
Nguồn: Transparency International (2020)



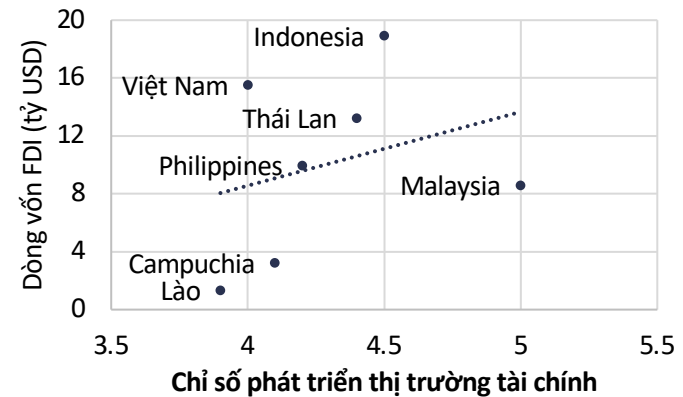
Nguồn: World Bank (2020)

Tương quan giữa môi trường kinh doanh và dòng vốn FDI tại ASEAN

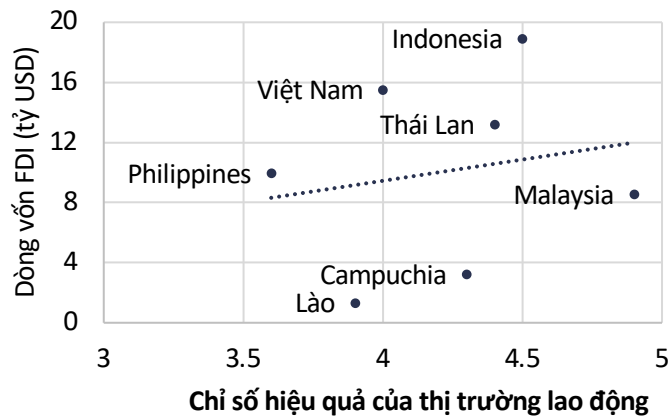
■ Phát triển thị trường và dòng vốn FDI tại các quốc gia ASEAN, 2018



Nguồn: WEF (2017)



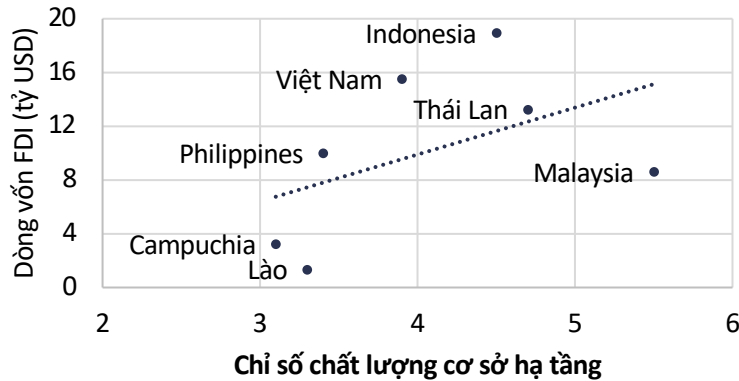
Nguồn: WEF (2017)



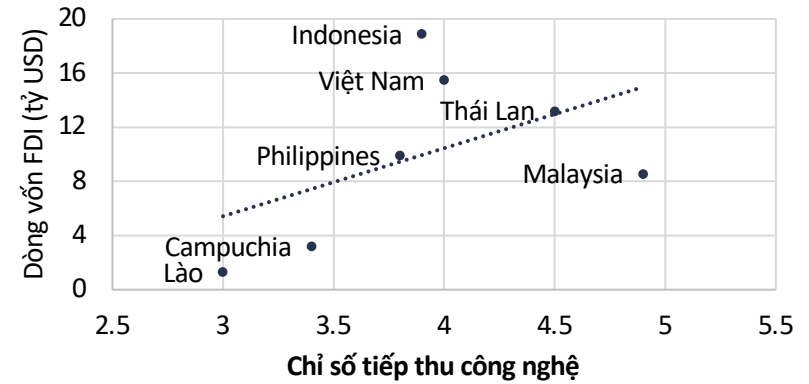
Nguồn: WEF (2017)

Tương quan giữa môi trường kinh doanh và dòng vốn FDI tại ASEAN

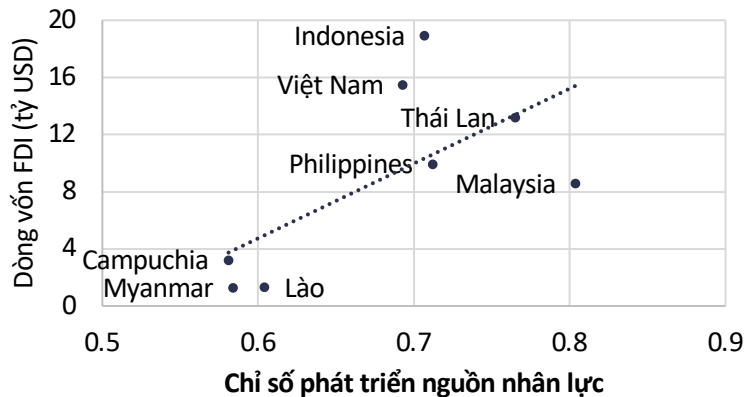
■ Các yếu tố khác và dòng vốn FDI tại các quốc gia ASEAN, 2018



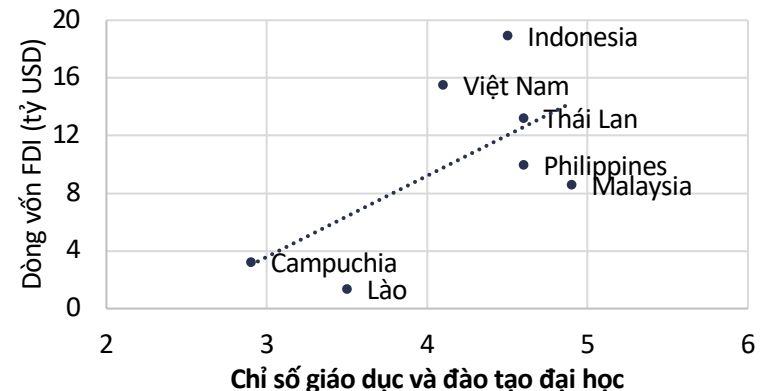
Nguồn: WEF (2017)



Nguồn: WEF (2017)



Nguồn: UNDP Human Development Reports (2020)



Nguồn: WEF (2017)

Tương quan giữa môi trường kinh doanh và dòng vốn FDI tại ASEAN

Các yếu tố môi trường kinh doanh được lựa chọn và mối tương quan với dòng vốn FDI

| Yếu tố | Tương quan tuyến tính với dòng vốn FDI | | Yếu tố | Tương quan tuyến tính với dòng vốn FDI | |
|-----------------------------|--|--------------------|------------------------------|--|--------------------|
| | Mạnh, tích cực | Vừa phải, tích cực | | Mạnh, tích cực | Vừa phải, tích cực |
| Môi trường vĩ mô | | | Phát triển thị trường | | |
| Môi trường vĩ mô và đầu tư | | ✓ | Quy mô thị trường | ✓ | |
| Tự do kinh tế | | ✓ | Các yếu tố khác | | |
| Mở cửa kinh tế | ✓ | | Cơ sở hạ tầng | | ✓ |
| Chất lượng thể chế | | | Khả năng tiếp thu công nghệ | | ✓ |
| Quản trị* | | ✓ | Chỉ số phát triển nhân lực | ✓ | |
| Chỉ số thuận lợi kinh doanh | ✓ | | Giáo dục và đào tạo đại học | | ✓ |

Lưu ý: * Gồm ba khía cạnh được kiểm định riêng: Hiệu quả của chính phủ, Nhận thức tham nhũng, Chất lượng về mặt pháp lý. Tương quan được xếp vào nhóm mạnh và dương nếu hệ số tương quan Pearson đạt ít nhất 0.65, và xếp vào nhóm vừa phải và dương nếu hệ số tương quan rơi vào khoảng 0.3 đến 0.65.

Nguồn: Theo tính toán và phân loại của tác giả.

Tương quan giữa môi trường kinh doanh và dòng vốn FDI tại ASEAN

■ Thảo luận:

- Hầu hết các yếu tố có mối tương quan tuyến tính thuận với dòng vốn FDI. Trong đó, độ mở về kinh tế, chỉ số thuận lợi kinh doanh, quy mô thị trường và phát triển nguồn nhân lực có mối tương quan tuyến tính thuận mạnh nhất với dòng vốn FDI.
- Các nước ASEAN thường được chia thành hai nhóm riêng biệt, một nhóm có môi trường kinh doanh thuận lợi và dòng vốn FDI cao (Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam) và nhóm còn lại có môi trường kinh doanh không thuận lợi và dòng vốn FDI thấp (Campuchia, Lào, và Myanmar).
- Cần có những nỗ lực đáng kể để cải thiện môi trường đầu tư cho các quốc gia ở nhóm sau để tăng khả năng thu hút FDI. Phát triển nguồn nhân lực ở Campuchia, Lào và Myanmar vẫn còn thiếu, là một trở ngại cho các nước này trong việc thu hút FDI vào các ngành sản xuất thâm dụng lao động.
- Bên cạnh đó, điều kiện môi trường kinh doanh kém ở Campuchia, Lào và Myanmar, đặc biệt là chất lượng thể chế, giải thích tại sao ba nước này nhận được dòng vốn FDI lớn từ Trung Quốc. Các công ty đa quốc gia của Trung Quốc không chỉ không coi trọng yếu tố chất lượng pháp lý mà còn có xu hướng đầu tư vào các quốc gia có mức độ tham nhũng tương đương với quốc gia của họ (Shan, 2018).

- Bất bình đẳng kinh tế, chi tiêu cho xã hội và áp lực tài khóa tại ASEAN
 - + Bất bình đẳng kinh tế
 - + Chi tiêu cho xã hội
 - + Áp lực tài khóa
- Cạnh tranh xuống đáy trong ưu đãi thuế và phi thuế tại ASEAN
 - + Cạnh tranh thuế tại ASEAN
 - + Thuế TNDN tiêu chuẩn
 - + Ưu đãi thuế TNDN
 - + Thuế suất thực nộp
 - + Chi phí ưu đãi thuế TNDN
 - + Ưu đãi phi thuế
- Môi trường kinh doanh và dòng vốn FDI tại các nước ASEAN
 - + Dòng vốn FDI tại các nước ASEAN
 - + Tương quan giữa môi trường kinh doanh và dòng vốn FDI
- Khuyến nghị chính sách

Khuyến nghị chính sách

- **Khuyến nghị 1:** Lập danh sách trắng và đen về ưu đãi thuế
- **Khuyến nghị 2:** Chấm dứt cạnh tranh bằng ưu đãi về đất đai
- **Khuyến nghị 3:** Thống nhất một mức thuế suất tối thiểu cho toàn khu vực
- **Khuyến nghị 4:** Xây dựng các quy tắc để quản trị tốt các ưu đãi đầu tư
- **Khuyến nghị 5:** Đồng thuận trong việc cải thiện môi trường kinh doanh, tập trung vào các yếu tố quan trọng

Khuyến nghị chính sách

- **Khuyến nghị 1: Lập danh sách trắng và đen về ưu đãi thuế**
 - ASEAN cần quy định các loại hình ưu đãi thuế không được phép sử dụng và đưa chúng vào danh sách đen, đồng thời đưa ra lộ trình loại bỏ những ưu đãi này trong khu vực với thời hạn nhất định. Đồng thời, ASEAN nên thống nhất một danh sách trắng quy định những ưu đãi thuế có thể được cho phép và chấp nhận áp dụng trong khu vực.
 - Danh sách đen nên bao gồm các ưu đãi thuế dựa trên lợi nhuận, ví dụ: các ưu đãi thuế tạo ra mức thuế suất thấp cho lợi nhuận chịu thuế như ân hạn thuế, miễn thuế, chuyển lỗ, và thuế suất ưu đãi.
 - Danh sách trắng nên bao gồm các ưu đãi thuế dựa trên đầu tư, đó là những loại ưu đãi tập trung vào hỗ trợ hoạt động đầu tư của doanh nghiệp. Những ưu đãi này được chứng minh có hiệu quả cao hơn nhiều so với ưu đãi dựa trên lợi nhuận; tuy nhiên, tính hiệu quả của chúng vẫn cần được giám sát để tránh các hành vi lạm dụng quá mức các khoản khấu trừ thuế, hoặc siêu tín dụng thuế.
 - Cần áp dụng một cơ chế khu vực giám sát các chính sách thuế và cùng đồng thuận những ưu đãi nào nên được liệt kê vào danh sách đen hoặc danh sách trắng. Cơ chế này cần minh bạch và có sự tham gia thực chất của đại diện của các chính phủ, chuyên gia quốc tế, tổ chức xã hội, và giới học thuật.

Khuyến nghị chính sách

■ Khuyến nghị 2: Chấm dứt cạnh tranh bằng ưu đãi về đất đai

- Các nước ASEAN cần ngăn chặn cuộc cạnh tranh trong việc cung cấp các ưu đãi về đất đai để thu hút FDI, bởi chúng gây ra những tác hại đối với xã hội địa phương dưới hình thức xung đột đất đai và chênh lệch thu nhập. Miễn tiền thuê đất nên được loại bỏ dần khỏi các gói ưu đãi đất đai.
- Các Quốc gia Thành viên cũng nên có cách tiếp cận theo quy mô cả khu vực đối với những tiêu chuẩn chuyển nhượng đất kinh tế, đặc biệt là nhất trí về thời hạn thuê đất tối đa là 50 năm cho khu vực. Chính phủ nên cho phép điều chỉnh giá thuê theo chu kỳ năm năm thay vì ấn định giá thuê cho cả thời gian thuê.
- Thay vì đưa ra các ưu đãi về đất đai, các nước ASEAN cần phối hợp nỗ lực và ngân sách để phát triển các thành phần cơ sở hạ tầng như đường xá và tiện ích, đặc biệt là trong các khu công nghiệp và kinh tế, nhằm mục đích thu hút FDI.

Khuyến nghị chính sách

- **Khuyến nghị 3:** Thống nhất về một mức thuế suất tối thiểu cho toàn khu vực
 - Để ngăn chặn cuộc đua xuống đáy, các nước ASEAN cần quy định một mức thuế TNDN tối thiểu và đảm bảo không đưa ra các ưu đãi thuế TNDN khiến cho thuế trung bình thực nộp hạ xuống dưới mức thuế suất tối thiểu.
 - Tỷ lệ thích hợp được đề xuất nằm trong khoảng 12,5% đến 20%. Điều này sẽ bảo vệ nguồn thu từ thuế của các quốc gia và ngăn chặn vấn đề hoạch định chính sách có lợi cho nước mình nhưng có hại cho các nước láng giềng vẫn đang tồn tại hiện nay.

Khuyến nghị chính sách

- **Khuyến nghị 4:** Xây dựng các quy tắc để quản trị tốt các ưu đãi đầu tư
 - Các nước ASEAN nên có thống nhất về các quy tắc ưu đãi bao gồm thời hạn và tiêu chí lựa chọn người nhận rõ ràng cho từng ưu đãi thay vì cung cấp ưu đãi cho các công ty một cách tùy tiện.
 - Các quốc gia thành viên cũng cần tạo dựng một cơ chế minh bạch và có trách nhiệm giải trình để báo cáo lại các ưu đãi đã cấp nhằm củng cố sự hợp tác trong toàn khu vực. Họ cần quy định đầy đủ tất cả các ưu đãi thuế trong đạo luật thuế và công khai báo cáo chi tiêu thuế cùng với báo cáo ngân sách hàng năm.
 - Vì mục tiêu quản trị tốt và minh bạch, các chính phủ nên thực hiện phân tích chi phí và lợi ích trước khi phê duyệt bất kỳ ưu đãi thuế hoặc phi thuế nào, đồng thời cần có những cuộc đánh giá giữa kỳ cho các ưu đãi đã được cấp.

Khuyến nghị chính sách

- **Khuyến nghị 5:** Đồng thuận trong việc cải thiện môi trường kinh doanh, tập trung vào các yếu tố quan trọng
 - Các quốc gia thành viên ASEAN cần thống nhất danh sách các yếu tố môi trường kinh doanh quyết định trong việc thu hút FDI. Các quốc gia cũng nên xếp hạng hoặc phân loại các yếu tố theo mức độ quan trọng của chúng. Các yếu tố cần được ưu tiên gồm: (i) độ mở của nền kinh tế, (ii) cắt giảm thủ tục hành chính trong kinh doanh, và (iv) cải thiện nguồn nhân lực.
 - Song song với đó, các quốc gia cần có những hành động thiết thực để cải thiện các chỉ số khác về môi trường kinh tế vĩ mô và chất lượng thể chế như tự do kinh tế, hiệu quả của chính phủ, chất lượng quản lý, chất lượng cơ sở hạ tầng và khả năng tiếp thu công nghệ.

Xin chân thành cảm ơn!

Trao đổi xin gửi về:

Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách,
Trường ĐH Kinh tế, ĐH Quốc gia HN
P.707, Nhà E4, 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy

Email: info@vepr.org.vn

Tel: 04.37547506 ext 714/ 0975608677

Fax: 04.37549921